TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27/11/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Trương Văn Hòa
  2. Ông Lê Đức Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21/11/2019 và ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2019/LTST- HNGĐ ngày 15/7/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 98/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà N T T H, sinh năm 1978.
- Bị đơn: Ông L T C, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Đường số 1, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Bà P T, sinh năm: 1945

Bà N H, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: Đường số 1, tổ 3, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Ngày 21/11/2019 bà H, ông C có mặt; ngày 27/11/2019 ông H, ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Tuất, bà Nhung vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019, các bản tự khai và tại phiên tòa ngày 21/11/2019 nguyên đơn bà N T T H trình bày: Vào năm 2006, bà và ông C, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống H phúc được 3,4 năm đầu, sau đó khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C

thường xuyên đi nhậu về gây gỗ vợ con, làm việc không có tiền bạc mang về lo cho gia đình, ông C thường xuyên đi chơi qua đêm, bà đã nộp đơn ly hôn lên Tòa vào năm 2017, vào năm 2018 nhưng bà rút đơn lại vì muốn cho ông C cơ hội thay đổi nhưng ông C không chịu thay đổi. Ông bà ly thân từ khoảng tháng 2/2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm giữa bà và ông C không còn nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà với ông C có 02 con chung, tên L N, sinh ngày 13/10/2007 và cháu L H, sinh ngày 11/8/2011, bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà khai có nợ bà L Csố tiền 10.000.000 đồng, bà sẽ tự thanh toán số tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 21/11/2019 ông L T C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn từ năm 2007 đến năm 2008 thì ông với bà H chung sống với nhau ở nhà trọ, đến năm 2009, 2010 thì ông bà về chung sống tại nhà bố mẹ của bà H, đến năm 2011 thì ông bà xây nhà và ra ở riêng. Về mâu thuẫn: Vào khoảng năm 2016 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông hay uống rượu, có cờ bạc khi có đám ma hoặc dịp tết nhưng chỉ chơi cho vui, khi nào ông uống rượu vào thì vợ chồng lại gây gỗ, cãi nhau, tư khi phát sinh mâu thuẫn thì ông cũng có đưa tiền cho bà H để lo cho gia đình, có tháng đưa 1.000.000 đồng, có tháng đưa 2.000.000 đồng, có tháng đưa 3.000.000 đồng, có tháng không có tiền thì ông không đưa. Khi bà H nộp đơn lên Tòa để ly hôn thì ông có biết, nhưng hai lần đó ông năng nỉ, hứa thay đổi nên bà H rút đơn về, nhưng ông không thay đổi nên bà H mới nộp đơn ly hôn. Nay ông xác định tình cảm giữa ông và bà H vẫn còn, nên ông không đồng ý ly hôn với bà H, ông hứa với bà H sẽ thay đổi bản thân, lo cho gia đình,vợ con, không ăn chơi nữa.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung như bà H trình bày, nếu ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Diện tích đất khoảng 1.200m^2 và một căn nhà cấp 4 trên đất, tại bản tự khai ngày 04/10/2019 ông yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, đến ngày 09/10/2019 ông thay đổi ý kiến, ông với bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Đến ngày 06/11/2019, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa ngày 21/11/2019 ông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc bà H vay của bà L Csố tiền 10.000.000 đồng không liên quan gì đến ông.

Tại bản tự khai ngày 26/11/2019 bà Lê Thị Kim Châu, sinh năm: 1975, địa chỉ: Tổ 19, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai trình bày: Bà có cho bà N T T H vay số tiền 10.000.000 đồng, tuy nhiên bà với bà H đã tự thỏa thỏa thuận với nhau nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đưa bà vào

tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh con (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); quyết định đình chỉ (bản chính); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, con chung, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhập yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Giao cháu L N, sinh ngày 13/10/2007 và cháu L H, sinh ngày 11/8/2011 cho bà N T T H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L T C tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Phiên tòa ngày 21/11/2019 các đương sự có mặt, phiên tòa ngày 27/11/2019 các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N T T H và ông L T C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H và ông C đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C hay uống rượu, đi chơi, khi nào ông C uống rượu vào thì vợ chồng lại gây gỗ, cãi nhau, bà H nộp đơn lên Tòa để ly hôn hai lần, một lần vào năm 2017, một lần vào năm 2018 nhưng sau khi bà H nộp đơn thì ông C hứa thay đổi nên bà H rút đơn về, nhưng ông C không thay đổi. Ông C cùng xác định nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày, tuy nhiên ông xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ly hôn. Hội đồng xét xử nhận định, các đương sự đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn kéo dài, bà H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C hai lần vào các năm 2017, 2018 điều này chứng tỏ mẫu thuẫn giữa bà H và ông C đã đến mức trầm trọng. Lời khai của bà Phạm Thị Tuất mẹ của bà H và bà N H là chị của bà H cũng xác nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông C có phát sinh nhiều mâu

thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu nhẹt rồi gây gỗ với bà H, ông C không lo làm ăn, gia đình đã khuyên bảo nhưng ông C không thay đổi. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhập yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H với ông C có 02 con chung, là cháu L N, sinh ngày 13/10/2007 và cháu L H, sinh ngày 11/8/2011, nếu ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con, ông C cũng đồng ý với yêu cầu này của bà H, cháu Như và cháu Huân cũng có nguyện vọng được sống chung với bà H. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà H.

[4] Tài sản chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, tuy nhiên ngày 06/11/2019, sau khi có Quyết định xét xử ông C lại thay đổi ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do ông C có yêu cầu chia tài sản chung sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cần công khai chứng cứ và hòa giải, nêu theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét yêu cầu chia tài sản chung này của ông C. Ông C có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác.

[5] Nợ chung: bà H khai có nợ bà L Csố tiền 10.000.000 đồng, bà sẽ tự thanh toán số tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc bà H vay tiền của bà L Csố tiền 10.000.000 đồng không liên quan gì đến ông. Bà L Ccũng trình bày tự thỏa thuận với bà H, không yêu cầu tòa án giải quyết, đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó Tòa án không đưa bà Châu vào tham gia tố tụng và không xem xét đối với vấn đề nợ chung. Bà L Ccó quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà N T T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 11, 12, 89, 92, 93 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N T T H. Bà N T T H được ly hôn ông L T C.

2. Về con chung: Giao cháu L N, sinh ngày 13/10/2007 và cháu L H, sinh ngày 11/8/2011 cho bà N T T H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông L T C tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L T C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà N T T H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N T T H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 004995 ngày 11/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
-UBND xã X
(GCNKH số 117/2/2006);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo